

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TÔN GIÁO CŨNG LÀ MỘT NGUỒN LỰC TRÍ TUỆ

ĐỖ QUANG HÙNG^(*)

Cho đến nay ở Việt Nam, ngay trong một bộ phận giới nghiên cứu, một luận đề quan trọng của Mác về tôn giáo vẫn còn ảnh hưởng và được nhận thức chưa đầy đủ, đó là ý kiến của Mác khi ông vận dụng *phản ánh luận mácxít về tôn giáo*: “Căn cứ của sự phê phán chống tôn giáo là: *con người sáng tạo ra tôn giáo*, chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người. Cụ thể là: tôn giáo là sự tự cảm giác của con người chưa tìm được bản thân mình hoặc đã lại để mất bản thân mình một lần nữa. Nhưng *con người* không phải là một sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới. Con người chính là *thế giới con người*, là nhà nước, là xã hội. Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo, tức *thế giới quan lộn ngược*, vì bản thân chúng là *thế giới lộn ngược*”⁽¹⁾. Hoặc, ý kiến của Ph.Ăngghen: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hằng ngày của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang những hình thức những lực lượng siêu trần thế”⁽²⁾.

Trong việc đổi mới nhận thức về tôn giáo, có vẻ như chúng ta khá dễ dàng thừa nhận những giá trị văn hóa đạo đức của tôn giáo, cũng như việc xem nó như một

nhu cầu khách quan của một bộ phận quần chúng không nhỏ. Nhưng trên phương diện nhận thức luận, cách hiểu khá phổ biến các luận đề trên, dẫn tới sự dè dặt về phương diện này của các tôn giáo.

Bài viết dưới đây của chúng tôi đưa ra vấn đề: phải chăng tôn giáo cũng là một cách nhận thức và dù thế nào các tôn giáo cũng có khả năng tạo dựng những nguồn lực trí tuệ, góp vào dòng chảy chung của nhân loại, hôm qua cũng như hôm nay.

Nhận thấy đây là vấn đề phức tạp nhưng rất cần thiết phải nghiên cứu, trong lý luận cũng như trong thực tiễn đời sống tôn giáo, kể cả việc hoạch định các chính sách về tôn giáo hiện nay, chúng tôi đi sâu vào những khía cạnh sau:

- Lối phê bình mácxít về tôn giáo cũng như nhận thức luận mácxít về tôn giáo. Nội dung này nhằm làm rõ những nguồn gốc nhận thức của cách nhìn nói trên về vai trò nhận thức luận của tôn giáo. Từ đó chúng tôi muốn đi đến một kết luận quan trọng: *Dù thế nào, tôn giáo*

*. GS.TS., Khoa Chính trị học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. C.Mác. *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, trong *C.Mác, Ph. Ăngghen. Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995, tập 1, tr. 569.

2. Xem: *C.Mác, Ph.Ăngghen. Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, 1997, tập 20, tr 437.

cũng là một cách nhận thức tự nhiên và xã hội của con người.

- Thông qua việc nghiên cứu những luận điểm về thần học, đóng góp của các tôn giáo lớn trên thế giới cũng như ở Việt Nam như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành giáo..., trong đó có không ít vấn đề thời sự của bản thân giới nghiên cứu tôn giáo, nhằm khẳng định thêm rằng, *bản thân các tôn giáo cũng là một nguồn lực trí tuệ, một phương thức nhận thức luận.*

Bài viết cũng cố gắng phản ánh những vấn đề “thời sự” về “nhận thức luận của các tôn giáo”, đặc biệt là những vấn đề được giới trí thức trong nước cũng như ở nước ngoài đang quan tâm, tranh luận. Đồng thời, chúng tôi cũng kết hợp đưa ra những quan điểm, xu hướng tiêu biểu trong nhận thức của bản thân các tôn giáo ở nước ta về vấn đề này.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo - cái nhìn nhận thức luận

1.1. Lịch sử lối phê bình mác-xít về tôn giáo

Hiện nay trong các giáo trình chính thức của các trường đại học, chủ yếu là các học viện thuộc hệ thống trường Đảng, trong các giáo trình về CNXHKKH, những bài giảng về vấn đề tôn giáo thường chỉ đưa ra những nhận định về *những nguồn gốc của sự hình thành tôn giáo*, trong đó bên cạnh nguyên nhân nhận thức được coi là chủ yếu là những nguyên nhân khác như xã hội, tâm lí...

Dường như vấn đề lịch sử nhận thức về tôn giáo, nói cách khác là lối phê bình mác-xít về tôn giáo của chính Mác - Ăngghen lại không được quan tâm. Phần viết dưới đây của chúng tôi cố gắng phác

họa lịch sử lối phê bình tôn giáo ấy của Mác - Ăngghen, đó cũng là cách để chúng ta hiểu rõ hơn vì sao cả hai ông đều coi trọng lí thuyết phản ánh luận (dù là duy vật biện chứng) đến như thế nào trong sự hình thành các quan điểm cơ bản của hai ông về vấn đề tôn giáo.

Nhìn đại thể, quan điểm sau đây của chủ nghĩa Mác về tôn giáo vẫn được nhiều người chúng ta sử dụng. *Tôn giáo*, đó là sự phản ánh thế giới vật chất và ý thức con người một cách đặc biệt, đó là sản phẩm của lịch sử, một hiện tượng thuộc thượng tầng kiến trúc. *Tôn giáo* là một hình thái ý thức tư tưởng, đồng thời là một thực tại xã hội.

Để có được những nhận thức duy vật cơ bản như thế về tôn giáo, chủ nghĩa Mác cũng đã trải qua 3 giai đoạn phát triển dưới đây:

1) Giai đoạn thứ nhất: Phê bình triết học về tôn giáo

Sở dĩ Mác và Ăngghen bắt đầu từ việc phê bình tôn giáo vì thực tế xã hội nước Đức tư bản lúc ấy, tôn giáo che đậy thực trạng nhà nước, phê bình tôn giáo là cái công đi vào phê bình nhà nước.

Nhưng trước hết phải là phương diện triết học, theo kinh nghiệm của Feuerbach (Phơbách). Ba tác phẩm: *Phê bình triết học về nhà nước* của Hegel, viết năm 1841- 1842; *Phê bình triết học về pháp lí* của Hegel, viết năm 1843 và đặc biệt là cuốn *Bản thảo kinh tế - chính trị 1844* được coi là những tác phẩm chính cho công việc này.

Qua 3 tác phẩm ấy, Mác - Ăngghen đã đưa ra những ý kiến đầu tiên về bản chất tôn giáo, sự xuất hiện (tính “lịch sử”, “pháp lí” và “chính trị” của nó); các vấn

đề tôn giáo - tha hóa... đã tạo ra cho học thuyết mác-xít về tôn giáo một tính cách mới mẻ, cách mạng và chiến đấu.

2) Giai đoạn thứ hai: Phê bình chính trị về tôn giáo

Đây là giai đoạn Mác viết *Tuyên ngôn Cộng sản* (1848) và về phương diện hoạt động xã hội, ông hoàn toàn là người xã hội chủ nghĩa khoa học. Cùng với Ăngghen, ông sẽ là lãnh tụ thực sự của phong trào cộng sản ở Châu Âu.

Về mặt tôn giáo, hai ông đã hoàn toàn gia nhập thuyết vô thần, đồng hành với triết học của nhóm khai sáng Pháp, có những điểm khác biệt với thuyết vô thần của triết học cổ đại Đức. Đồng thời, hai ông cũng hoàn toàn đoạn tuyệt với nhóm "Hegel trẻ".

Các tác phẩm chính của giai đoạn này là: *Vấn đề Do thái* (1845); *Gia đình thần thánh* (1845); *Hệ tư tưởng Đức và những luận cương về Phơbách* (viết năm 1846)...

Lần đầu tiên, hai ông đã nhìn nhận vấn đề chính trị tôn giáo trên quan điểm giai cấp và từ đó phân tích những "hệ quả xã hội" của tôn giáo.

Cũng chưa bao giờ có sự phê bình của hai ông về sự can thiệp chính trị của giới cầm quyền vào vấn đề tôn giáo, khiến cho vấn đề tôn giáo không còn là vấn đề thuần túy tư tưởng, tinh thần mà còn là vấn đề đấu tranh giai cấp, xã hội rõ rệt.

3) Giai đoạn thứ ba: Phê bình tôn giáo về mặt kinh tế

Giai đoạn này bắt đầu từ 1857 với các tác phẩm nổi tiếng của Mác như: *Tư bản luận*, *Góp phần vào sự phê bình kinh tế-chính trị*... hoặc của Ăngghen: *Chống Duyring*, *Phép biện chứng của tự nhiên*,

L. Phơbách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức...

Đây là giai đoạn mà những quan điểm về tôn giáo của Mác - Ăngghen bị những kẻ đối lập phê phán mạnh mẽ nhất, vì họ cho rằng, nói "phê bình" kinh tế về tôn giáo chỉ là kiểu nói "hàm hồ"!

Thực ra, đây lại chính là giai đoạn *hoàn chỉnh* quan điểm về tôn giáo của hai ông.

Trước hết, phải nói là, trong hai giai đoạn đầu, Mác - Ăngghen mới xét tôn giáo "theo tôn giáo" và tôn giáo như một "bộ phận của hệ ý thức". Còn ở giai đoạn này, hai ông đã thực sự *ngiên cứu tôn giáo trong tổng thể quan hệ xã hội, gắn nó với các quan hệ sản xuất, gắn nó với vấn đề lợi ích xã hội và con người*.

Điều quan trọng là hai ông nhấn mạnh các quan hệ sản xuất và tôn giáo tạo nên một hệ thống: vấn đề có tính bản chất của quan hệ nhân quả là tôn giáo "tùy thuộc vào các cơ sở vật chất", mệnh đề này trở thành khái niệm truyền thống của lôgic mác-xít về tôn giáo.

Nghĩa là, lí thuyết này có trục lôgic là, tôn giáo chỉ là hệ luận từ các quan hệ sản xuất xã hội. Nói cách khác, lí luận về tôn giáo mác-xít là *phương cách tôn giáo* tùy thuộc vào phương cách sản xuất vật chất xã hội.

Cũng vì lôgic ấy, chính Ăngghen, từ 1850, trong cuốn *Chiến tranh nông dân ở Đức* đã khởi xướng luận đề nổi tiếng về sự suy vong tôn giáo. Còn Mác lại đưa ra một giả thuyết theo lối diễn đạt khác: khi những quan hệ xã hội càng trở nên rõ ràng thì chúng càng ít tạo ra những mảnh đất thuận lợi cho hệ ý thức tôn giáo!

Tóm lại, sự phê bình tôn giáo ở phương diện cơ sở kinh tế đã tỏ rõ quan niệm duy vật lịch sử rõ nét của Mác, Ăngghen về tôn giáo. Những quan điểm này, một mặt tạo ra phương cách tư duy đúng đắn là tôn giáo có gốc rễ cơ sở là kinh tế - xã hội và vì thế nó còn tồn tại lâu dài; nhưng mặt khác nó cũng gây nên sự “khó xử” của những người mác-xít đời sau: vì tôn giáo quá “dai dẳng” và khi các tôn giáo còn tồn tại thì còn khả năng ngăn cản thay đổi các quan hệ xã hội...

Trên đây là một vài nét về quá trình hình thành quan điểm mác-xít về tôn giáo. Tất nhiên để nhìn nhận vấn đề đầy đủ hơn, chúng ta còn phải nói thêm một phương diện khác: *Sự phát triển của các quan điểm mác-xít về tôn giáo*.

Về đại thể, giai đoạn cuối thế kỉ XIX (nghĩa là khi Mác, Ăngghen qua đời) đến 1935, chủ nghĩa Mác được phổ biến chủ yếu qua các bản dịch tác phẩm của Mác và Ăngghen. Tuy giai đoạn này có Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại, có nhiều tác phẩm của Lênin. Chính Lênin, dù viết về tôn giáo không nhiều, nhưng cũng đã góp phần phát triển học thuyết mác-xít về tôn giáo. Luận đề của Mác: “Thế giới tôn giáo chỉ là *phản ánh* thế giới thực tại” được Lênin phát triển ở chỗ, *phản ánh* không đi liền với điều nó *phản chiếu*. Lênin đã gỡ bỏ những khía cạnh bị giấu diếm bởi tính “vật lí” của luận đề trên, khiến chúng ta nhận thức tôn giáo sát thực hơn.

- Giai đoạn 1935-1945, giai đoạn có vai trò chế ngự của Quốc tế Cộng sản và Xtalin. Đặc điểm giai đoạn này là, phê bình tôn giáo chủ yếu dựa vào căn bản của thuyết nhân bản vô thần. Thậm chí,

đó là xu hướng “vô thần chiến đấu” tả khuynh, dẫn chế ngự.

- Giai đoạn 1945-1960: Các khuynh hướng lí thuyết về tôn giáo nở rộ và cũng hết sức phức tạp.

Tuy phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có xu hướng nhìn tôn giáo “nhân bản” như Gramsci, Bloch, Lukács... R.Garaudy muốn xét lại “thuyết kinh tế” trong “phản ánh” luận tôn giáo. Nhưng vẫn có rất nhiều học giả mác-xít trung thành với học thuyết Mác-Lênin về tôn giáo. Đó là các tên tuổi như Hanchelin, M. Veret...

- Giai đoạn 1960-1991: Đây cũng là giai đoạn phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những biến động cực lớn trước khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu bị sụp đổ.

Về tôn giáo, khuynh hướng tả khuynh về tôn giáo cũng đến cực điểm trong phong trào *cách mạng văn hóa* ở Trung Quốc và các biểu hiện tương tự về tính khuynh hướng như ở hàng loạt các nước XHCN.

- Giai đoạn 1991 đến nay: Quan điểm mác-xít về tôn giáo bước qua một giai đoạn mới, cùng với sự *Đổi mới* ở nhiều nước XHCN. Chủ nghĩa Mác- Lênin về tôn giáo được phát triển với nhiều *luận điểm đột phá*, nhiều chính sách đổi mới về tôn giáo được ra đời và đi vào thực tiễn...

1.2. Từ phản ánh luận đến quan điểm, nhận thức mác-xít về vai trò nhận thức luận của tôn giáo

* Mặc dù trải qua 3 giai đoạn của sự phê bình về tôn giáo, nhưng lối tiếp cận quan trọng nhất của Mác về tôn giáo là lối tiếp cận *bản thể luận*, mang nặng tính cách triết học. Bên cạnh đó, phương

pháp *phản ánh luận* của Mác, Ăngghen về tôn giáo cũng là những quan điểm kinh điển của phương pháp duy vật biện chứng về tôn giáo. Có điều trong thực tiễn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế sau này người ta chỉ chú trọng đến các mệnh đề “phản ánh ngược”, “hư ảo” của tôn giáo mà ít ai quan tâm đến một khía cạnh nhận thức khác của con người về tôn giáo đó là nhu cầu về tâm linh, một phương thức khác trong việc tiếp cận “chân lí tuyệt đối” của tôn giáo.

Nói chung, trước khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, chúng ta đều bị chi phối bởi những “luận đề cơ bản” sau đây trong vấn đề tôn giáo:

- *Thứ nhất*, vì coi tôn giáo là một hệ ý thức duy tâm, siêu hình nên trên thực tế những người mác-xít ở các nước xã hội chủ nghĩa thường có khuynh hướng phủ nhận những giá trị nhận thức luận của tôn giáo.

- *Thứ hai*, vì coi tôn giáo cũng đồng nhất với mê tín nên càng thêm khẳng định sự lạc hậu về nhận thức và “những hành vi sống đạo” là những biểu hiện bất cập và ngăn cản sự tiến bộ của văn minh nhân loại. Cùng với nhận thức trên, đây là những sự nhìn nhận chưa đầy đủ và thiếu khách quan với vấn đề nhận thức luận của các tôn giáo.

Một thí dụ tiêu biểu cho những cách nhìn nhận như thế là việc đánh giá mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo. Từ giữa thế kỉ XX, trong khi các tôn giáo đã “chuyển thái độ” ứng xử với khoa học thì chúng ta dường như vẫn giữ nguyên những đánh giá trên đây. Dĩ nhiên giữa khoa học và tôn giáo có những cách lí

giải rất khác nhau về những vấn đề cơ bản như: vũ trụ luận (nguồn gốc vũ trụ và loài người, vật chất và tiến hóa...); về loài người và con người... nhưng như đã nói ở trên, nhiều tôn giáo từ giữa thế kỉ XX cũng đã có sự thay đổi trong mối quan hệ với khoa học. Mặt khác, nhiều thành quả khoa học hiện đại cũng đặt ra những thách đố với các giáo lí của tôn giáo như: nhân bản vô tính, biến đổi gen...

Phần trên chúng ta đã phân tích những quan điểm mới trong nhận thức luận của Kitô giáo trong vấn đề này. Liên quan đến vấn đề “phản ánh luận” của chủ nghĩa Mác truyền thống đã nói trên về tôn giáo, chúng tôi muốn lưu ý thêm rằng, nhiều tôn giáo không những đã hòa giải, lợi dụng những thành quả khoa học để đưa ra những lí giải thần học mới có vẻ “biện chứng” hợp lí hơn. Nhiều nhà khoa học đương đại cũng đã thấy điều này như ý kiến của viện sĩ khoa học Nga L.M.Mitorôkhin: “Trước đây người ta quan niệm khi khoa học tiến thêm một bước, thì tôn giáo lùi lại một bước, còn ngày nay cần thay đổi lại quan niệm này: Khoa học đang thực sự tiến nhanh, nhưng tôn giáo lại không vội vã lùi lại, tìm nơi ẩn nấp để rồi khi có thời cơ lại tiếp tục bùng lên. Để giải quyết sự đối lập còn tồn tại giữa khoa học và tôn giáo, phần đông các nhà nghiên cứu đều cho rằng, về phía tôn giáo, cần hạn chế quyền hạn của mình trong khuôn khổ thế giới nội tâm con người, còn khoa học phải từ bỏ những tham vọng thế giới quan chuyên chế. Nói cách khác, niềm tin tôn giáo và tri thức khoa học cần bổ sung cho nhau như hai số đo về tồn tại của con người trong một

tổng hòa các nhu cầu thế giới quan của hàng triệu triệu con người ở một giai đoạn phát triển xã hội nhất định”⁽³⁾.

Ít nhất thì nhận xét của Mitơrôkhin cũng nhắc ta điều này, không nên nhìn nhận một cách đơn giản rằng, tôn giáo hoàn toàn đối lập với khoa học, ngược lại cũng cần phải ghi nhận những giá trị nhận thức luận của tôn giáo, thậm chí có những “nguồn lực tri thức” trong những thành tựu tư duy như thế của các tôn giáo.

Ở một phương diện khác, việc nhìn nhận nhận thức luận và “nguồn lực tri thức” của các tôn giáo có liên quan trước hết đến thái độ của chúng ta đối với *văn hóa tôn giáo*, một thuật ngữ mà cách đây không lâu còn khá xa lạ với tiếng nói chính thống của các nước xã hội chủ nghĩa.

Một trong những ý kiến hiếm hoi của những học giả mác-xít trước thập kỷ 90 là M.Verret đã có những nhận xét sâu sắc về những khiếm khuyết đó của các nước xã hội chủ nghĩa: “Tôn giáo là một hình thức của văn hóa tình cảm. Tôn giáo là phương tiện chuyển giao chủ yếu của văn hóa vào quần chúng, vào các dân tộc chỉ trừ có kỹ thuật. Loại bỏ văn hóa tôn giáo sẽ mất đi phần lớn vẻ đẹp của văn hóa dân gian và ngay văn hóa hiện đại cũng bị sút mẻ giá trị”⁽⁴⁾.

Điều quan trọng hơn, Verret còn có những ý kiến rất hay về việc chống chủ nghĩa giáo điều trong thái độ với tôn giáo và mối liên hệ nhận thức luận của điều này với nguy cơ quan liêu, tha hóa và biến chất của các đảng cộng sản cầm quyền. Cái nhìn sau đây của ông còn giá trị thời sự đến hôm nay.

“Nếu tín ngưỡng thắng được lý trí thì lý trí sẽ trở thành đối tượng của tín ngưỡng. Chủ nghĩa Mác có thể bị thoái hóa và trở thành thần bí với đảng, với giai cấp và lịch sử. Đến lúc ấy, nó lại bắt chước các tôn giáo mà nó từng phê phán: Những lời dạy trở thành giáo lý, sự linh thiêng, thần thánh hóa những người cầm quyền, biến đạo lý thành Thánh Kinh...”

Nhưng căn bệnh trên cũng có thuốc chữa trị: Ý thức khoa học và sự dân chủ. Cần giám sát đảng cầm quyền chống lại chủ nghĩa bè phái và *biến đảng thành tôn giáo*...

Hiếm thấy tác phẩm loại này của một tác giả mác-xít Phương Tây lại bàn đến chính sách tôn giáo của các đảng cộng sản cận kề, thuyết phục như của M.Verret⁽⁵⁾.

Đánh giá về mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo cũng như những “nguồn lực tri thức” của các tôn giáo ta cũng không thể bỏ qua ý kiến độc đáo của A.Einstein.

Từ việc phân loại các tôn giáo sơ khai mà ông gọi là “tôn giáo sơ hãi” đến các loại “tôn giáo luân lý” hoặc “tôn giáo vũ trụ” (những tôn giáo có ý niệm sâu sắc về

3. Xem L.M.Mitơrôkhin. *Tri thức khoa học và tôn giáo tín ngưỡng trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI*, nguyên bản tiếng Nga, bản dịch của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2/2002, tr 19-20.

4. Michel Verret. *Những người mác-xít và tôn giáo. Tiểu luận về chủ nghĩa vô thần hiện đại* (nguyên bản tiếng Pháp), Nxb Xã hội, Paris, 1961, tr 78. Dẫn lại từ cuốn Đỗ Quang Hưng. *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam, lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2007, tr. 91.

5. Dẫn tiếp từ Đỗ Quang Hưng. *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam, lý luận và thực tiễn*. Sđd, tr. 92.

Thượng Đế), Einstein đã mạnh dạn khẳng định rằng: “Tôn giáo vũ trụ là động lực mạnh mẽ nhất của nghiên cứu khoa học... Tôn giáo đó chính là cái ban cho con người sức mạnh ấy. Ai đó đã nói không phải không có lí rằng, trong thời đại nhìn chung là xem trọng thái độ duy vật chất như trong thời đại của chúng ta, chính những nhà nghiên cứu nghiêm chỉnh mới là những người có tín ngưỡng sâu xa”⁽⁶⁾.

Như vậy là, khi tiếp nhận và phát huy những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo, với chúng ta, cần phải bổ sung thêm một nguyên tắc nhận thức nữa: không chỉ coi trọng và đánh giá đúng mức những giá trị văn hóa, đạo đức của các tôn giáo như Đảng ta đã từng chỉ rõ từ cuối năm 1990, mà còn phải tiến tới thừa nhận, khai thác và sử dụng những “nguồn lực trí tuệ” của các tôn giáo trong việc phát triển văn hóa tri thức của dân tộc hiện nay trên con đường đổi mới và hội nhập.

Cuối cùng, cũng cần lưu ý rằng, Mác, Ăngghen không phủ nhận sạch trơn tôn giáo dù rằng hai ông luôn coi tôn giáo gắn liền với cái siêu nhiên trừu tượng và tất nhiên nó ảnh hưởng đến con người. Là người vô thần (Mác chủ trương con người tạo ra Thượng đế và tôn giáo chứ không phải ngược lại) nhưng Mác cũng như Lenin, đã sáng suốt khi cho rằng, giải quyết vấn đề tôn giáo, trước hết phải

coi là chuyện của trần thế, không phải là chuyện “trên trời”. Nhưng rõ ràng ở Liên Xô từ thập kỉ 30 thế kỉ XX trở đi (dĩ nhiên cả trong Quốc tế Cộng sản) dưới thời Xtalin, người ta đã tìm đủ mọi cách, biện pháp tư tưởng, giáo dục và cả trong hiến pháp để khẳng định *vai trò thống trị của chủ nghĩa vô thần* đó là nguồn gốc cơ bản nảy sinh và tồn tại dai dẳng của khuynh hướng cực đoan về tôn giáo trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đồng thời, về mặt nhận thức luận đã giành lấy “cái thế độc quyền về nhận thức”, loại bỏ những nguồn lực nhận thức từ phía các hệ ý thức và tôn giáo.

Một trong những điểm có tính tiên đề lí luận cho công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta hiện nay cũng lại bắt đầu từ điều này: cùng với việc mở cửa hội nhập về mặt kinh tế - xã hội - văn hóa của đất nước với thế giới bên ngoài, thì điều quan trọng là trên cơ sở của chủ nghĩa Mác-Lênin, phải bổ sung và tiếp thu mọi nguồn lực trí tuệ của các hệ ý thức, các truyền thống văn hóa của nhân loại, trong đó hẳn có cả những “nguồn lực nhận thức” từ phía các tôn giáo mà chúng ta phân tích trên đây.

(Kì sau đăng tiếp)

6. Xem Albert Einstein. *Thế giới như tôi thấy*, bản dịch từ tiếng Đức và tiếng Anh của Nxb Tri Thức, 2005, tr.36-37.